

Bản án số: 52/2020/HS-ST

Ngày 25 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

2. Ông Ngô Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chê Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Nở - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2020/HSST, ngày 31 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Kim N, sinh năm 1992; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi ĐKKTT và nơi cư trú: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Som N và bà Liên Thị Sa R; có vợ tên Kim Thị Hồng P và 03 người con lớn nhất sinh ngày 17/8/2014, nhỏ nhất sinh ngày 13/11/2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/7/2020 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Kim N: Bà Nguyễn Thị Hồng Tiếng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- Bị hại: Anh Lâm Văn D, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Chị Kim Thị Hồng P, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người làm chứng:

1/ Anh Thạch Vinh H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2/ Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

3/ Chị Thái Mỹ X, sinh năm 1988;

Địa chỉ tạm trú: Ấp S, xã Th, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

4/ Chị Lâm Thị Diệu H, sinh năm 1995;

Địa chỉ tạm trú: Ấp S, xã Th, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

5/ Chị Đoàn Trúc Liên, sinh năm 2002;

Địa chỉ tạm trú: Ấp S, xã Th, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 21/5/2020, anh Thạch Vinh H điều khiển xe mô tô chở anh Lâm Văn D đến khu vực cảng thuộc ấp Bến Ba, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thì gặp nhóm bạn của bị cáo Kim N đang ngồi uống bia gồm: Nguyễn Quốc B, Hồng Văn H, Thái Mỹ X (tên gọi khác: H), Thạch Hồng P, Huỳnh Minh Th, Đoàn Trúc L, Lâm Thị Diệu H và Dương Trương Huỳnh Đ đang tổ chức tiệc sinh nhật cho Thái Mỹ X.

Sau đó, anh D và anh H xin vào ngồi uống bia cùng với nhóm bạn của bị cáo thì nhóm bạn của bị cáo N đồng ý. Trong lúc uống bia thì nhóm bạn của bị cáo và D có hát karaoke với nhau trên điện thoại di động có kết nối loa di động (thường gọi loa kéo kéo). Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, thì nhóm bạn của bị cáo dọn dẹp chuẩn bị ra về nhưng D vẫn còn đang hát karaoke bằng điện thoại di động của chị L. Lúc này, chị L đến gặp anh D để lấy lại điện thoại thì anh D không đưa và còn chửi chị L. Sau đó, chị L tắt loa di động thì anh D mới trả điện thoại nhưng vẫn còn chửi chị L. Thấy vậy, chị H lên tiếng bên vực chị L thì cũng bị anh D dùng lời lẽ thô tục chửi và dùng tay nắm tóc, chỉ tay vào vùng trán của chị H.

Lúc này, bị cáo N đứng phía bên tay phải của D, cách D khoảng 3m. Bị cáo lấy 01 cái mũ bảo hiểm đang để trên xe mô tô ném về hướng của D, trúng vào vùng eo bên phải của D rồi rơi xuống nền bê tông nhưng không gây thương tích. Sau đó, D buông H ra, lùi một bước, quay mặt về hướng bị cáo N (gần như đối diện với bị cáo). Lúc này, bị cáo N tiếp tục lấy 01 cây dao có chiều dài khoảng 30cm; cán dao bằng nhựa, màu đen (dài khoảng 10cm); lưỡi dao bằng kim loại, màu trắng sắc bén (dài khoảng 20cm), mũi dao nhọn, trọng lượng khoảng 200g đang để trên tấm bạc dùng lót ngồi, bên cạnh loa di động đi về phía chỗ anh D đang đứng.

Khi đến đối diện với anh D khoảng cách 01m, bị cáo cầm cây dao bằng tay phải (là tay thuận của bị cáo) vung lên khỏi đầu, chém 01 (một) cái thật mạnh theo hướng từ trên xuống dưới vào người anh D. Khi phát hiện bị chém anh D dùng tay trái đưa lên ngang mặt đến vùng đầu để đỡ thì bị chém trúng vào vùng cánh tay trái gây thương tích. Sau khi bị chém anh D bỏ chạy, còn bị cáo N tiếp tục cầm dao đuổi theo anh D khoảng 100m thì dừng lại. Sau khi quay lại hiện trường thì anh B cùng những người khác dọn dẹp các vật dụng dùng uống bia, trong đó có cây dao nêu trên ném xuống khu vực Sông Hậu rồi ra về cùng với bị cáo. Sau khi bị thương anh D được đưa đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện Trà Cú và được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh tiếp tục điều trị. Đến ngày 22/5/2020 thì anh D ra viện, đồng thời làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, xử lý về hình sự đối với Kim N về tội cố ý gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 54/20/TgT ngày 12 tháng 06 năm 2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lâm Văn D là 21% (hai mươi một phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương trên người của Lâm Văn D là do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, hướng từ trên xuống.

Tại Bản cáo trạng số 57/CT-VKSTC ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Kim N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017 (sau đây gọi là Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa bị cáo Kim N cho rằng cáo trạng truy tố đúng với hành vi của bị cáo, bị cáo không có ý kiến bổ sung gì về nội dung bản cáo trạng và đã khai nhận vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/5/2020 tại khu vực cảng thuộc ấp Bến Ba, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo đã sử dụng dao chém mạnh 01 (một) cái theo hướng từ trên xuống dưới gây thương tích cho Lâm Văn D.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Kim N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4 đến 5 năm; về trách nhiệm dân sự quá trình điều tra, bị hại Lâm Văn D yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại tổng số tiền 60.000.000 đồng; đại diện gia đình bị cáo Kim N đã bồi thường cho bị hại xong; tại phiên tòa bị hại Lâm Văn D yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 10.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận; về án phí đề nghị buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Bị cáo Kim N không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đồng ý bồi thường thêm số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại.

Quan điểm của Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo cũng thống nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Kim N về tội “*Cố ý gây thương tích*”, cũng như thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị đối với bị cáo N. Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo đã thấy được lỗi lầm của mình nên đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 60.000.000 đồng; tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường thêm 10.000.000 đồng bị cáo cũng đồng ý bồi thường từ đó thể hiện tính thiện chí ăn năn hối cải của bị cáo; bị cáo có người thân là người có công với cách mạng; là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế; trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi nên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại yêu cầu bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó, Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm

2015 cho bị cáo được hưởng án treo và hưởng mức hình phạt thấp mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị hại Lâm Văn D yêu cầu hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 10.000.000 đồng vì hiện tại thương tật của bị hại vẫn chưa lao động được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Kim Thị Hồng P không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại.

Tại lời nói sau cùng bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc cha mẹ, các con và có điều kiện lao động để bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, lời khai này là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/5/2020 tại khu vực cảng thuộc ấp Bến Bạ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo Kim N đã sử dụng 01 cây dao có chiều dài khoảng 30cm; cán dao bằng nhựa, màu đen (dài khoảng 10cm); lưỡi dao bằng kim loại, màu trắng sắc bén (dài khoảng 20cm), mũi dao nhọn, trọng lượng khoảng 200g, cầm dao bằng tay phải chém mạnh 01 (một) cái theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào vùng cánh tay trái gây thương tích cho Lâm Văn D với tỷ lệ thương tích là 21% (hai mươi một phần trăm). Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy: Về tính chất vụ án là nghiêm trọng, bị cáo là những người có đầy đủ năng lực và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xuất phát từ việc bên vực bạn mà đã sử dụng dao là hung khí nguy hiểm gây tổn hại cho sức khỏe của bị hại anh Lâm Văn D với tỉ lệ 21%. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử cần xét xử bị cáo thật nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có người thân là người có công với cách mạng, là người dân tộc thiểu số, sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi; bị cáo là lao động chính trong gia đình đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ cũng có khả năng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội theo như đề nghị của Kiểm sát viên và Vị trợ giúp viên pháp lý đã đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại Lâm Văn D yêu cầu bị cáo bồi thường các khoảng thiệt hại với tổng số tiền 60.000.000 đồng; đại diện gia đình bị cáo Kim N đã bồi thường cho bị hại xong; tại phiên tòa bị hại Lâm Văn D yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Kim N đồng ý theo yêu cầu của bị hại. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, việc này không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[5] Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, trách nhiệm hình sự về trách nhiệm dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét quan điểm Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Kim N phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định; về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Thấy rằng, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến phản đối nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kim N phạm tội : “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 260; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Kim N 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án (25/9/2020).

Giao bị cáo Kim N cho Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Kim N và bị hại Lâm Văn D về việc bị cáo Kim N đồng ý bồi thường thêm cho bị hại Lâm Văn D số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Kim N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Kim N.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn

